

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

- Mã chứng khoán: **HHV**
- Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại liên hệ: 0236 3730 574 Fax: 0236 3842 713
- E-mail: info@hhv.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2022 (riêng và hợp nhất) kết thúc vào ngày 30/6/2022 của Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả.

Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả trân trọng công bố Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2022 (riêng và hợp nhất) kết thúc vào ngày 30/6/2022 của Công ty. Nội dung chi tiết theo bản Báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/7/2022 tại đường dẫn: http://www.hhv.com.vn/quan_hệ_cổ_đồng/công_bố_thông_tin

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2022 (riêng và hợp nhất) của Công ty.

**Đại diện tổ chức
Người UQ CBTT**



**Kế toán trưởng
Nguyễn Văn Ân**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	01 - 03
Bảng cân đối kế toán riêng	04 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08 - 09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	12 - 61

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ Hạ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022.

Công ty**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/06/2010; Đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 03 tháng 11 năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết theo Quyết định số 717/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 12 năm 2021 và chính thức giao dịch ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán HHV, số lượng chứng khoán niêm yết là 267.384.090 cổ phiếu.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2022 là:

2.673.840.900.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân; Hầm đường bộ Đèo cả, Cỏ Mã, Hầm đường bộ Cù Mông, Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia; quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường quốc lộ được giao. Đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao. Dịch vụ thu phí cầu đường; Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, gồm: Chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ bằng phương tiện chuyên dùng, kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; Xây dựng nhà các loại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sửa chữa các sản phẩm đúc sẵn; Sửa chữa máy móc thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện;

Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bốc xếp hàng hóa; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức du lịch; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại;

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Vốn đầu tư (VND)
Công ty con:			
- Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	68,34%	68,34%	1.022.315.050.000
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	71,02%	71,02%	1.486.031.250.000
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,47%	99,47%	272.331.000.000
Công ty liên doanh, liên kết:			
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	21,95%	21,95%	13.500.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,10%	50,00%	122.000.000.000
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	31,60%	31,60%	134.000.000.000
Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:			

Tên Công ty	Địa chỉ
Xí Nghiệp Thi Công Xây Lắp Công Trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Xí Nghiệp Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm đường bộ Đèo Cà	Thôn Hào Sơn, Xã Hòa Xuân Nam, Huyện Đông Hoà, Phú Yên.
Xí nghiệp Quản lý, vận hành hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạch, Xã Xuân Lộc, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên
Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Km81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Xã Hồ Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn
Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Ấp Tân Phong, Xã Tân Hội, Thị xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 30/06/2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu khác nào phát sinh sau ngày 30/06/2022 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm	
Ông: Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch	08/08/2019	
Ông: Nguyễn Tấn Đông	Phó chủ tịch	08/08/2019	
Ông: Trần Văn Thế	Phó chủ tịch	05/04/2019	24/04/2022
Ông: Nguyễn Hữu Hùng	Phó chủ tịch	29/04/2022	
	Thành viên (từ ngày 24/4/2022 đến ngày 29/4/2022)		
Ông: Võ Thụy Linh	Thành viên	21/07/2015	
Ông: Trần Chung	Thành viên	17/06/2020	
Ông: Nguyễn Quang Huy	Thành viên	01/11/2021	
Ông: Hoàng Văn Hải	Thành viên độc lập	17/06/2020	
Ông: Hà Huy Hùng	Thành viên độc lập	01/11/2021	24/04/2022
Ông: Hồ Quang Lợi	Thành viên độc lập	24/04/2022	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông: Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21/12/2020
Ông: Trần Văn Chí	Phó Tổng giám đốc thường trực	14/02/2022
Ông: Võ Ngọc Trung	Phó Tổng giám đốc	10/12/2020
Ông: Trần Văn Dũng	Phó Tổng giám đốc	14/01/2021
Bà: Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng giám đốc	30/03/2021
Ông: Lê Châu Thắng	Phó Tổng giám đốc	14/02/2022

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông: Nguyễn Minh Giang	Trưởng ban	16/04/2018
Bà: Cam Thị Minh Hải	Thành viên	17/06/2020
Bà: Phan Thị Mai	Thành viên	26/04/2021

Đại diện theo pháp luật:

	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông: Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21/12/2020

Kế toán trưởng:

	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông: Nguyễn Văn Ân		17/06/2020

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ báo cáo 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả phê duyệt Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Công ty .

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 07 năm 2022

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



NGUYỄN QUANG HUY

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		804.230.614.445	838.451.206.123
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	186.309.115.039	11.600.983.258
111	1. Tiền		92.561.588.222	8.100.983.258
112	2. Các khoản tương đương tiền		93.747.526.817	3.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn			
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		475.403.481.919	782.361.201.522
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	399.446.655.523	627.923.680.598
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.04	21.859.687.362	11.029.529.737
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.05	1.000.000.000	1.000.000.000
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.06	66.307.685.765	155.618.537.918
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.07	(13.210.546.731)	(13.210.546.731)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	IV. Hàng tồn kho	V.08	137.010.821.139	44.059.032.517
141	1. Hàng tồn kho		137.010.821.139	44.059.032.517
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.507.196.348	429.988.826
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.12	679.998.300	429.988.826
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.827.198.048	
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.142.364.591.626	2.975.211.790.305
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.094.427.531	3.094.427.531
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	V.03	3.094.427.531	3.094.427.531
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác			
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	II. Tài sản cố định		72.431.499.336	27.152.174.909
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	71.884.088.471	26.598.323.500
222	- Nguyên giá		140.593.070.910	91.686.904.292
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(68.708.982.439)	(65.088.580.792)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	547.410.865	553.851.409
228	- Nguyên giá		663.292.634	663.292.634
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(115.881.769)	(109.441.225)
230	III. Bất động sản đầu tư			
231	- Nguyên giá			
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.09	13.449.562.636	12.259.242.728
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		13.449.562.636	12.259.242.728
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.02	3.052.177.300.000	2.932.165.900.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		2.780.677.300.000	2.660.665.900.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		269.500.000.000	269.500.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.000.000.000	2.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.211.802.123	540.045.137
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.12	1.211.802.123	540.045.137
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.946.595.206.071	3.813.662.996.428

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		894.343.021.136	844.131.880.942
310	I. Nợ ngắn hạn		666.165.371.136	625.822.930.942
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	172.562.116.245	230.529.989.839
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	105.528.767.947	7.648.775.163
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	19.118.710.238	42.260.801.005
314	4. Phải trả người lao động		11.445.440.110	8.197.991.848
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	13.311.325.500	48.101.149.844
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.100.000.000	
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.19	66.190.735.381	54.080.267.206
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.13	275.163.978.996	233.259.659.318
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.744.296.719	1.744.296.719
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn		228.177.650.000	218.308.950.000
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn	V.15		
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		9.350.000.000	
337	7. Phải trả dài hạn khác			
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.13	218.827.650.000	218.308.950.000
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.19	3.052.252.184.935	2.969.531.115.486
410	I. Vốn chủ sở hữu		3.052.252.184.935	2.969.531.115.486
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.673.840.900.000	2.673.840.900.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.673.840.900.000	2.673.840.900.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(208.000.000)	(208.000.000)
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		7.148.483.380	4.851.321.687
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		371.470.801.555	291.046.893.799
421a	- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		288.749.732.106	61.330.724.488
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		82.721.069.449	229.716.169.311
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.946.595.206.071	3.813.662.996.428

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 07 năm 2022

Người lập biểu



HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN ÂN

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
 Tổng Giám đốc



NGUYỄN QUANG HUY

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

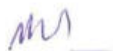
Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 2 năm 2022	Quý 2 năm 2021	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	214.594.770.007	175.905.781.297	340.905.045.856	251.657.533.026
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu					
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		214.594.770.007	175.905.781.297	340.905.045.856	251.657.533.026
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.02	139.616.023.819	125.490.611.065	227.294.137.455	186.979.642.086
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		74.978.746.188	50.415.170.232	113.610.908.401	64.677.890.940
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.03	7.890.091.536	8.104.196.874	15.480.236.657	16.089.990.765
22	7. Chi phí tài chính	VI.04	6.683.459.777	6.468.195.549	13.386.290.581	13.282.784.175
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>6.683.459.777</i>	<i>6.468.195.549</i>	<i>13.386.290.581</i>	<i>13.282.784.175</i>
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.05	7.089.099.503	7.307.085.511	14.904.486.069	11.859.078.184
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		69.096.278.444	44.744.086.046	100.800.368.408	55.626.019.346
31	11. Thu nhập khác	VI.06	358.882	15.598.480.524	358.882	19.454.589.810
32	12. Chi phí khác	VI.07	509.959		509.959	53.192.182
40	13. Lợi nhuận khác		(151.077)	15.598.480.524	(151.077)	19.401.397.628

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 2 năm 2022	Quý 2 năm 2021	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		69.096.127.367	60.342.566.570	100.800.217.331	75.027.416.974
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.08	12.288.880.814	10.560.130.021	17.126.147.882	11.996.117.728
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại					
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		56.807.246.553	49.782.436.549	83.674.069.449	63.031.299.246

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 07 năm 2022

Người lập biểu



HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN ÂN

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



NGUYỄN QUANG HUY

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG*(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022*

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30/06/2022	30/06/2021
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		100.800.217.331	75.027.416.974
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		3.626.842.191	3.380.246.839
03	- Các khoản dự phòng			(161.854.500)
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(15.480.236.657)	(35.544.580.575)
06	- Chi phí lãi vay		13.386.290.581	13.282.784.175
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		102.333.113.446	55.984.012.913
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		306.957.719.603	37.746.809.156
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(92.951.788.622)	(34.963.820.378)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		11.595.577.420	(34.170.004.186)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(921.766.460)	529.042.308
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.008.730.419)	(10.102.013.567)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(36.138.362.996)	(4.601.890.606)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(953.000.000)	
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		286.912.761.972	10.422.135.640
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(50.096.486.526)	(152.000.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			36.610.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(120.011.400.000)	(10.000.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		15.480.236.657	16.089.990.765
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(154.627.649.869)	42.547.990.765

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

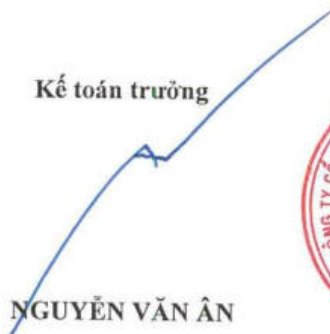
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30/06/2022	30/06/2021
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền thu từ đi vay		205.241.661.596	352.457.158.095
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(162.818.641.918)	(412.655.876.503)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		42.423.019.678	(60.198.718.408)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		174.708.131.781	(7.228.592.003)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		11.600.983.258	76.734.825.238
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		186.309.115.039	69.506.233.235

Người lập biểu



HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN ÂN

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 07 năm 2022

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



NGUYỄN QUANG HUY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/06/2010; Đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 03 tháng 11 năm 2021.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2022 là: **2.673.840.900.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân; Hầm đường bộ Đèo cả, Cổ Mã, Hầm đường bộ Cù Mông, Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia; quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường quốc lộ được giao. Đảm bảo giao thông khi có thiên tai dịch họa xảy ra trên địa bàn được giao. Dịch vụ thu phí cầu đường; Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, gồm: Chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ bằng phương tiện chuyên dùng, kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; Xây dựng nhà các loại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sửa chữa các sản phẩm đúc sẵn; Sửa chữa máy móc thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện;

Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bốc xếp hàng hóa; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức du lịch; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại;

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con bao gồm:

- Tổng số các Công ty con 03

+ Số lượng Công ty con được hợp nhất 03

+ Số lượng Công ty con không được hợp nhất 0

- Danh sách các Công ty con được hợp nhất 03

- Danh sách công ty con bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		30/06/2022	01/01/2022	30/06/2022	01/01/2022
Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Tầng 12-243A Đê La Thành-P.Láng Thượng-Q.Đống Đa -TP Hà Nội	68,34%	65,58%	68,34%	65,58%
Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	32 Thạch Thị Thanh- Phường Tân Định-Quận 1 - TP Hồ Chí Minh	71,02%	70,02%	71,02%	70,02%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

- Danh sách công ty con (tiếp theo):

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		30/06/2022	01/01/2022	30/06/2022	01/01/2022
Công ty cổ phần Phước tượng Phú gia BOT	Lô 4 BT1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	99,47%	99,47%	99,47%	99,47%

- Danh sách công ty liên doanh, liên kết bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		30/06/2022	01/01/2022	30/06/2022	01/01/2022
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Số 32 Thạch Thị Thanh, P.Tân Định, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	21,95%	21,95%	21,95%	21,95%
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Tầng 16 tòa nhà số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy -TP Hà Nội, Việt Nam	47,10%	47,04%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	Tầng 20,số 109 Trần Hưng Đạo,P.Cửa Nam,Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	31,60%	31,60%	31,60%	31,60%

Tóm tắt thông tin hoạt động của Công ty con

(1) Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106987957 ngày 11/09/2015; thay đổi lần thứ 15 ngày 25/05/2022, do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 110/BKHĐT-GNNDKĐTTPN cấp ngày 29/03/2016, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 19/10/2016 về việc chấp thuận dự án đầu tư:

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình tuyến cao tốc Bắc Giang – Tp. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM 108 +

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:

12.188.665.000.000 VND

+ Vốn chủ sở hữu:

1.645.470.000.000 VND

+ Vốn vay

10.543.195.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Tại ngày 06/2018 hạng mục tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500 đã hoàn thành và triển khai thu phí hoàn vốn. Tại ngày 15/01/2020 hạng mục tuyến cao tốc Bắc Giang - TP Lạng Sơn đoạn Km45+100 - Km 108+ 500 đã hoàn thành và triển khai thu phí hoàn vốn. Dự án vẫn tiếp tục hoàn thành và đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 30/06/2022:

1.495.847.400.000 VND

(2) Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0104567756 ngày 05 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đến nay Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 22 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2021.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 47/BKHĐT-GCNĐKĐTTN/ĐC1 do Bộ KHĐT chứng nhận ngày 20/6/2017

Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cỏ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân) Quyết định số 400/QĐ-BGTVT ngày 04/03/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tài chính Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cỏ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân);

Tại ngày 03/09/2017 hạng mục hầm Cỏ Mã, hầm Đèo Cả; ngày 01/04/2019 hạng mục hầm Cù Mông bắt đầu đưa vào khai thác sử dụng và phát sinh doanh thu. Tổng mức đầu tư dự án theo Phụ lục 09 của Hợp đồng 26/HĐXD-DEOCA với Bộ Giao thông Vận tải ký ngày 13/03/2019 là 21.612 tỷ đồng.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	21.612.008.175.000	VND
+ <i>Vốn tự có:</i>	1.749.864.583.000	VND
+ <i>Vốn khác</i>	1.438.432.378.000	VND
+ <i>Vốn vay</i>	13.375.708.235.000	VND
+ <i>Vốn Nhà nước hỗ trợ</i>	5.048.002.979.000	VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

<i>Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 30/06/2022:</i>	2.092.450.000.000	VND
--	-------------------	-----

(3) Công ty cổ phần Phước tượng Phú gia BOT

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106205342 ngày 12/06/2013; thay đổi lần thứ 9 ngày 22/02/2021 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đầu tư số 62/BKHĐT-GCNTTN ngày 17/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư; điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất ngày 17 tháng 08 năm 2015;

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế;

Phụ lục Hợp đồng BOT số 06/11378/HĐ.BOT-BGTVT ngày 17/07/2019 giữa Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Phước Tượng Phú Gia (Nhà đầu tư) – Công ty cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT về việc Dự án đầu tư xây dựng công trình Hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế;

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	1.559.231.104.000	VND
+ <i>Vốn chủ sở hữu:</i>	262.000.000.000	VND
+ <i>Vốn vay</i>	1.297.231.104.000	VND
+ <i>Vốn ngân sách Nhà nước</i>		VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

<i>Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 30/06/2022:</i>	273.786.000.000	VND
--	-----------------	-----

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Tóm tắt thông tin hoạt động của Công ty liên kết

1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam

Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng ICV Việt Nam có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0401777280 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/07/2016; Đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 10 tháng 05 năm 2022

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng

<i>Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2022 là:</i>	61.500.000.000	VND
--	----------------	-----

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

2. Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106159826 ngày 22 tháng 4 năm 2013, Giấy phép thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội.

Giấy chứng nhận đầu tư số 60/BKHĐT-GCNDTTN ngày 25/09/2013

+ Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 & Km1405 - Km1425, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức Hợp đồng BOT.

- Quyết định 108/QĐ-BGTVT ngày 13 tháng 01 năm 2016 về việc thu phí tại trạm thu phí Ninh An Km1425+200 Quốc lộ 1 để hoàn vốn cho dự án Đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 và Km1405 - Km1425+500, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNDT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	2.644.478.000.000	VND
+ Vốn chủ sở hữu:	339.447.800.000	VND
+ Vốn vay	2.305.030.200.000	VND
+ Vốn ngân sách Nhà nước		VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 30/06/2022:	305.000.000.000	VND
---	-----------------	-----

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

3. Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0108311466 ngày 05 tháng 06 năm 2018. Giấy phép Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 27 tháng 02 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

+ Dự án Đầu tư xây dựng thành phần 2: Tuyến cao tốc từ cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng (Km1+800-Km44+749,67), tỉnh Lạng Sơn.

Tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng được đầu tư xây dựng theo Quyết định số 1833/QĐ-BGTVT ngày 14/06/2016 của Bộ Giao thông vận tải. UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án tại các quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 và quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018.

Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 05/04/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án tài chính của Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đoạn Km1+800-Km108+500, kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1+800-Km106+500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNDT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	8.743.000.000.000	VND
+ Vốn chủ sở hữu:	1.749.000.000.000	VND
+ Vốn vay	6.994.000.000.000	VND
+ Vốn ngân sách Nhà nước		VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 30/06/2022:	424.000.000.000	VND
---	-----------------	-----

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí Nghiệp Thi Công Xây Lấp Công Trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Xí Nghiệp Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm đường bộ Đèo Cả	Thôn Hảo Sơn, Xã Hòa Xuân Nam, Huyện Đông Hoà, Phú Yên.
Xí nghiệp Quản lý, vận hành hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạch, Xã Xuân Lộc, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Km81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Xã Hồ Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Ấp Tân Phong, Xã Tân Hội, Thị xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang

II . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;

- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại

+ Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:

+ Đối với dự phòng khoản đầu tư vào các doanh nghiệp đặc thù (doanh nghiệp BOT): Không trích dự phòng tổn thất đầu tư đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp thực hiện dự án BOT, do hợp đồng BOT đảm bảo cho nhà đầu tư được bảo toàn vốn và lãi trên vốn của Nhà đầu tư tham gia dự án theo thỏa thuận hợp đồng BOT được ký kết giữa nhà đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

+ Đối với khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết khác nếu Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả

4. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng bao gồm: chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng,

- Khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình là Phương tiện vận tải và Thiết bị dụng cụ quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03- 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao
- Tài sản cố định khác	10 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

7. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính riêng, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Các công ty con thực hiện tạm ứng lợi nhuận đã cam kết cho các Cổ đông theo phương án tài chính đã được phê duyệt trong hợp đồng BOT dựa vào dòng tiền thực tế thu được thay vì lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây lắp

Doanh thu hợp đồng xây lắp được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây lắp quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

- Hợp đồng xây lắp quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản

- *Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn*

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động

- *Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác*

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán,

15. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;

- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Đối với các dự án BOT, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay tài trợ vốn cho dự án BOT trong giai đoạn vận hành được phân bổ theo tỷ lệ giữa doanh thu thu phí phát sinh trong kỳ và doanh thu theo phương án tài chính của dự án BOT, căn cứ theo Công văn số 2310/TCĐN-VP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài Chính được áp dụng từ năm tài chính 2020. Giá trị chênh lệch giữa chi phí đi vay phát sinh và chi phí đi vay được phân bổ vào kết quả hoạt động trong kỳ sẽ được ghi nhận vào chi phí trả trước, giá trị này được phân bổ vào các kỳ tiếp theo.

Công thức tính chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay tài trợ vốn cho dự án BOT trong kỳ:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chi phí lãi vay trong kỳ = $\frac{\text{Tổng chi phí lãi vay theo phương án tài chính}}{\text{Tổng doanh thu theo phương án tài chính}}$ x Doanh thu thực hiện trong kỳ

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

19. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai cũng như khả năng khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ tính thuế tiếp theo tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

21. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Công cụ tài chính**a. Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2022	01/01/2022
Tiền mặt	1.714.163.166	2.093.723.164
- VND	1.714.163.166	2.093.723.164
Tiền gửi không kỳ hạn	90.847.425.056	6.007.260.094
- Tiền gửi (VND)	90.847.425.056	6.007.260.094
Các khoản tương đương tiền	93.747.526.817	3.500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	93.747.526.817	3.500.000.000
Cộng	186.309.115.039	11.600.983.258

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

02 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:						
b1) Ngắn hạn						
b2) Dài hạn	2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	2.000.000.000	
- Trái phiếu (*)	2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	2.000.000.000	
Cộng	2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	2.000.000.000	

(*) Khoản đầu tư bao gồm 200 trái phiếu, mệnh giá 10.000.000 đồng, kỳ hạn 10 năm (2019-2029), lãi suất tham chiếu +1,2%/năm do Vietinbank phát hành

	30/06/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Đầu tư vào công ty con (*)	2.780.677.300.000			2.660.665.900.000		
- Công ty Cổ Phần Bot Bắc Giang Lạng Sơn	1.022.315.050.000			902.303.650.000		
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	1.486.031.250.000			1.486.031.250.000		
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	272.331.000.000			272.331.000.000		
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (*)	269.500.000.000			269.500.000.000		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	13.500.000.000			13.500.000.000		
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	122.000.000.000			122.000.000.000		
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	134.000.000.000			134.000.000.000		
Cộng	3.050.177.300.000			2.930.165.900.000		

(*) : Do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo quy định của Thông tư 200/TT-BT.

- Đối với dự phòng khoản đầu tư vào các doanh nghiệp đặc thù (doanh nghiệp BOT) : Công ty không trích dự phòng tổn thất đầu tư đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp thực hiện dự án BOT, do hợp đồng BOT đảm bảo cho nhà đầu tư được bảo toàn vốn và lãi trên vốn của Nhà đầu tư tham gia dự án theo thỏa thuận hợp đồng BOT được ký kết giữa nhà đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

Tóm tắt hoạt động của các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem Phụ lục 1

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

	30/06/2022		01/01/2022	
	Trích lập dự phòng	Giá trị	Trích lập dự phòng	Giá trị
a) Ngắn hạn:	11.035.892.482	399.446.655.523	11.035.892.482	627.923.680.598
Bên khác	11.035.892.482	29.959.344.494	11.035.892.482	231.336.580.340
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo cả				177.848.367.430
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z		6.848.997.583		
Công ty Cổ phần xây dựng Cầu đường 19	5.159.490.529	5.159.490.529	5.159.490.529	5.159.490.529
Công ty Cổ phần Sông Đà 10		5.082.418.376		5.082.418.376
Công ty Cổ phần Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đắc Lắc	3.399.652.533	3.399.652.533	3.399.652.533	3.399.652.533
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Hoàng Long		1.052.454.546		
Công ty TNHH MTV kiểm định KTAT dầu khí Việt Nam - PVEIC	354.000.000	354.000.000	354.000.000	354.000.000
Xí nghiệp đầu tư và phát triển khu CN Bắc Ch/lai - Trạm thu phí Tam Kỳ	278.976.912	278.976.912	278.976.912	278.976.912
Công ty CP QL & XD ĐB QNĐN	249.999.800	249.999.800	249.999.800	249.999.800
Tổng đội Thanh niên xung phong Nông nghiệp 4	219.676.656	219.676.656	219.676.656	219.676.656
Công ty CTGT 503 Đà Nẵng	215.066.430	215.066.430	215.066.430	215.066.430
Công ty TNHH An Bình	193.457.858	193.457.858	193.457.858	193.457.858
Công ty Cổ phần XD GT Quảng Nam - HLM	145.872.585	145.872.585	145.872.585	145.872.585
Công ty XD c.trình GT 502 - Bê tông tươi	139.639.000	139.639.000	139.639.000	139.639.000
Đối tượng khác	680.060.179	6.619.641.686	680.060.179	38.049.962.231
Bên liên quan (*)		369.487.311.029		396.587.100.258
Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả		181.857.077.847		161.649.663.847
Công ty Cổ phần tập đoàn Đèo cả				140.481.698.327
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo cả		107.321.849.172		
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT		40.223.016.540		52.007.261.820
Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn		22.476.673.058		26.681.428.257
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa		10.973.980.598		8.018.141.334
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận		6.562.685.635		270.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z				6.656.906.673
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Hoàng Long				822.000.000
Công ty cổ phần quản lý và khai thác đường cao tốc Đèo Cả		72.028.179		

Ghi chú (*): Số dư đầu năm khoản phải thu với các bên liên quan được trình bày và phân loại lại cho phù hợp với số liệu so sánh năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

03 PHẢI THU KHÁCH HÀNG (tiếp theo)**b) Dài hạn****Bên liên quan**

Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cà

Cộng

30/06/2022		01/01/2022	
<i>Trích lập dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Trích lập dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>
	3.094.427.531		3.094.427.531
	3.094.427.531		3.094.427.531
11.035.892.482	402.541.083.054	11.035.892.482	631.018.108.129

04 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**a) Ngắn hạn:****Bên khác**

Công ty TNHH Tư Vấn ĐT & XD AMICONS

Công ty cổ phần nhà thép tiền chế Chí Việt

Công ty Cổ phần Fanco

Công ty TNHH TM & XD Thịnh Quốc

Công ty CP TM tư vấn và xây dựng Vĩnh Hưng

Công ty Cổ phần kỹ thuật Ánh Minh

Công ty TNHH MTV Toyota Đà Nẵng

Công ty TNHH MTV TM & DV kỹ thuật điện C.D.E

Công ty TNHH Đá Hóa An 1

Công ty TNHH XNK Thái Châu

Công ty Dịch vụ Điện Lực Miền Trung

Công ty Cổ phần xây dựng Gia Phước

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương

mại Hà Thành

Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Hoàng Long

Đối tượng khác

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cà

b) Dài hạn**Cộng**

30/06/2022		01/01/2022	
<i>Trích lập dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Trích lập dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>
1.301.620.413	21.859.687.362	1.301.620.413	11.029.529.737
1.301.620.413	16.315.576.514	1.301.620.413	11.029.529.737
	180.000.000		180.000.000
	673.571.100		673.571.100
	600.000.000		
	181.774.313		181.774.313
	2.089.886.370		
			912.353.431
			300.000.000
			3.599.297.300
	86.467.593		2.787.370.611
			145.000.000
			425.036.000
	773.066.226		
	478.380.674		
	1.858.004.507		
266.275.000	9.394.425.731	266.275.000	1.825.126.982
	5.544.110.848		
	5.544.110.848		
1.301.620.413	21.859.687.362	1.301.620.413	11.029.529.737

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

05 . PHẢI THU VỀ CHO VAY**a) Ngắn hạn**

Công ty TNHH MTV Đầu tư Sài Gòn (*)

b) Dài hạn**Cộng****Ghi chú (*):** Thông tin hợp đồng cho vay:

Bên vay	Hợp đồng	Thời hạn vay	Mục đích vay	Số tiền
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sài Gòn	Lãi suất 9%/năm HDV 15.10	Dưới 12 tháng	Mua nhựa đường	1.000.000.000

30/06/2022	01/01/2022
1.000.000.000	1.000.000.000
1.000.000.000	1.000.000.000
1.000.000.000	1.000.000.000

06 . PHẢI THU KHÁC**a) Ngắn hạn:**

Tạm ứng

Phải thu khác

Bên khác

+ Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cà

+ Cục Quản lý đường bộ III

+ Đối tượng khác

Bên liên quan

+ Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn

+ Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cà

+ Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cà- Bảo hành công trình

+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo cà

+ Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT

+ Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cà

Ký cược, ký quỹ

Bên liên quan

Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo cà

b) Dài hạn**Cộng**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Trích lập dự phòng	Giá trị	Trích lập dự phòng	Giá trị
a) Ngắn hạn:	873.033.836	66.307.685.765	873.033.836	155.618.537.918
Tạm ứng		7.622.947.518		1.842.628.988
Phải thu khác	873.033.836	58.584.738.247	873.033.836	153.675.908.930
Bên khác	873.033.836	973.027.261	873.033.836	994.547.848
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cà				21.520.587
+ Cục Quản lý đường bộ III	837.818.000	837.818.000	837.818.000	837.818.000
+ Đối tượng khác	35.215.836	135.209.261	35.215.836	135.209.261
Bên liên quan		57.611.710.986		152.681.361.082
+ Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn		38.988.600.000		137.800.000.000
+ Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cà		3.000.000.000		
+ Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cà- Bảo hành công trình		14.881.361.082		14.881.361.082
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo cà		705.348.657		
+ Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT		14.880.660		
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cà		21.520.587		
Ký cược, ký quỹ		100.000.000		100.000.000
Bên liên quan				
Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo cà		100.000.000		100.000.000
b) Dài hạn				
Cộng	873.033.836	66.307.685.765	873.033.836	155.618.537.918

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

07 . NỢ XẤU

1. Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.210.546.731		13.210.546.731	
+ Công ty CP XD Cầu đường 19	5.159.490.529		5.159.490.529	
+ Công ty QL và SC ĐB Đắc Lắc	3.399.652.533		3.399.652.533	
+ Công ty cổ phần nhà thép tiền chế Chí Việt	673.571.100		673.571.100	
+ Cục Quản lý đường bộ III	837.818.000		837.818.000	
+ Đối tượng khác	3.140.014.569		3.140.014.569	
Cộng	13.210.546.731		13.210.546.731	

08 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	6.838.439.348		5.385.808.582	
- Công cụ, dụng cụ	243.035.758		243.035.758	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	129.929.346.033		38.430.188.177	
Cộng	137.010.821.139		44.059.032.517	

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: Không có

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: Không có

Ghi chú(*): Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến chi phí của các công trình xây lắp chưa hoàn thành

09 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
Xây dựng cơ bản	13.449.562.636	12.259.242.728
+ Sửa chữa lớn văn phòng và nhà xưởng	13.449.562.636	12.259.242.728
Cộng	13.449.562.636	12.259.242.728

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	26.977.329.285	15.253.888.241	48.820.620.501	635.066.265		91.686.904.292
2. Số tăng trong kỳ		34.427.888.894	14.478.277.724			48.906.166.618
- Mua trong kỳ		34.427.888.894	14.478.277.724			48.906.166.618
- Tăng khác						
3. Số giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	26.977.329.285	49.681.777.135	63.298.898.225	635.066.265		140.593.070.910
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	11.736.764.666	10.997.723.898	41.742.853.360	611.238.868		65.088.580.792
2. Khấu hao trong kỳ	541.889.154	1.458.889.867	1.613.124.248	6.498.378		3.620.401.647
- Khấu hao trong kỳ	541.889.154	1.458.889.867	1.613.124.248	6.498.378		3.620.401.647
- Tăng khác						
3. Giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	12.278.653.820	12.456.613.765	43.355.977.608	617.737.246		68.708.982.439
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	15.240.564.619	4.256.164.343	7.077.767.141	23.827.397		26.598.323.500
2. Tại ngày cuối kỳ	14.698.675.465	37.225.163.370	19.942.920.617	17.329.019		71.884.088.471

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 13.005.266.583 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 37.954.020.751 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: 0 VND

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	618.292.634			45.000.000		663.292.634
2. Số tăng trong kỳ						
- Mua trong kỳ						
- Tạo ra từ nội bộ DN						
- Tăng khác						
3. Số giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	618.292.634			45.000.000		663.292.634
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	64.441.225			45.000.000		109.441.225
2. Khấu hao trong kỳ	6.440.544					6.440.544
- Khấu hao trong kỳ	6.440.544					6.440.544
- Tăng khác						
3. Giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	70.881.769			45.000.000		115.881.769
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	553.851.409					553.851.409
2. Tại ngày cuối kỳ	547.410.865					547.410.865

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 547.410.865 VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 0 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC			
a) Ngắn hạn		679.998.300	429.988.826
Công cụ, dụng cụ xuất dùng		130.956.057	168.140.464
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe		67.518.002	261.848.362
Các khoản khác		481.524.241	
b) Dài hạn		1.211.802.123	540.045.137
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe		6.393.269	35.294.143
Các khoản khác		1.205.408.854	504.750.994
Cộng		1.891.800.423	970.033.963

13 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a) Vay ngắn hạn - VND (*)	<u>30/06/2022</u>		<i>Phát sinh trong kỳ</i>		<u>01/01/2022</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Bên khác	231.032.083.393	231.032.083.393	192.111.661.596	155.607.341.918	194.527.763.715	194.527.763.715
- NH Công Thương CN Đà Nẵng	142.089.867.656	142.089.867.656	120.201.000.145	117.236.827.590	139.125.695.101	139.125.695.101
- Vay ngắn hạn NH TP Bank-CN Thăng Long HN	86.045.390.690	86.045.390.690	71.910.661.451	38.206.564.273	52.341.293.512	52.341.293.512
- Cán bộ, công nhân viên	2.896.825.047	2.896.825.047		163.950.055	3.060.775.102	3.060.775.102
Bên liên quan	44.131.895.603	44.131.895.603	12.500.000.000	7.100.000.000	38.731.895.603	38.731.895.603
- Công ty Cổ phần tập đoàn Đèo cà	42.131.895.603	42.131.895.603	12.500.000.000	7.100.000.000	36.731.895.603	36.731.895.603
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	2.000.000.000	2.000.000.000			2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	275.163.978.996	275.163.978.996	204.611.661.596	162.707.341.918	233.259.659.318	233.259.659.318

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

b) Vay dài hạn - VND (**)

	30/06/2022		Phát sinh trong kỳ		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trên 1 năm đến 5 năm	218.827.650.000	218.197.650.000	630.000.000	111.300.000	218.308.950.000	218.308.950.000
Bên khác	93.427.650.000	92.797.650.000	630.000.000	111.300.000	92.908.950.000	92.908.950.000
- NH TP Bank - mua xe ô tô	797.650.000	797.650.000		111.300.000	908.950.000	908.950.000
- NH TP Bank - mua xe ô tô	630.000.000		630.000.000			
- Công ty cổ phần đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	92.000.000.000	92.000.000.000			92.000.000.000	92.000.000.000
Bên liên quan	125.400.000.000	125.400.000.000			125.400.000.000	125.400.000.000
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	125.400.000.000	125.400.000.000			125.400.000.000	125.400.000.000
Cộng	218.827.650.000	218.197.650.000	630.000.000	111.300.000	218.308.950.000	218.308.950.000

* Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay ngắn hạn:

Bên cho vay	Hợp đồng	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
- Ngân hàng TM Cổ phần Công Thương VN - CN Đà Nẵng	HĐ tín dụng số 01/2022-HDCVHM/NHCT480-DII ngày 04/01/2022	100.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 9 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Cà vẹt xe oto, giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà tại căn hộ Plaza
- Ngân hàng TM Cổ phần Công Thương VN - CN Đà Nẵng	HĐ tín dụng số 02/2022-HDCVHM/NHCT480-DII ngày 04/01/2022	100.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 6 tháng và 3 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Vay ngắn hạn NH TP Bank-CN Thăng Long HN	HĐ tín dụng số 432/2021/HĐTĐ/TLG01 ngày 14/10/2020	300.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 10 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Hợp đồng vay số 0201 ngày 02/01/2020, PL	400.000.000.000	12 tháng	8%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

*** Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay ngắn hạn (tiếp theo)**

Bên cho vay	Hợp đồng	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Hợp đồng vay số 2002/2020/HTBOT-DII ngày 18/3/2020 ,các phụ lục	2.000.000.000	12 tháng	8%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Vay CBCNV Công ty	Hợp đồng và các phụ lục kèm theo ký với từng cá nhân cho vay	Không giới hạn	Từ ngày ký hợp đồng đến khi kết thúc hợp đồng	Lãi suất trả bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại NH Công ty đang giao dịch	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp

**** Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn:**

Bên cho vay	Hợp đồng	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
- Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng Miền Bắc	Hợp đồng vay từng lần, PL	92.000.000.000	24 tháng	8%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Hợp đồng vay số 15062021/HTBOT-DII ngày 15/06/2021	125.400.000.000	24 tháng	8%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Ngân hàng TM Cổ phần Tiên Phong - TPBank	Hợp đồng vay số 19/2021/HDTD/TLG/01 ngày 27/01/2021	1.113.000.000	60 tháng	8%/năm đến ngày 27/1/2022, sau đó điều chỉnh định năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Cà vẹt xe ô tô
- Ngân hàng TM Cổ phần Tiên Phong - TPBank	Hợp đồng vay số 273/2022/HDTD/TLG ngày 10/06/2022	40.691.000.000	72 tháng	Lãi suất linh hoạt tại từng văn bản nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Cà vẹt xe ô tô

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn:	172.562.116.245	172.562.116.245	230.529.989.839	230.519.989.839
<i>Bên khác</i>	<i>109.018.184.075</i>	<i>109.018.184.075</i>	<i>174.916.458.873</i>	<i>174.906.458.873</i>
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Trí Nam	40.568.338.680	40.568.338.680	122.491.454.000	122.491.454.000
Công ty Cổ phần thiết bị Đầu tư Bình Minh	14.464.267.683	14.464.267.683		
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sài Gòn	7.063.639.731	7.063.639.731	2.552.438.731	2.552.438.731
Công ty TNHH Phát triển xây dựng và Thương mại	2.240.000.000	2.240.000.000		
Công ty TNHH Một Thành Viên NIHON VINA	1.440.000.000	1.440.000.000		
Công ty TNHH DV vận tải Hoa Khôi	1.267.215.770	1.267.215.770		
Công ty xăng dầu khu vực V - TNHH một thành viên	1.007.883.696	1.007.883.696		
Công ty TNHH đầu tư chuyên giao công nghệ Toàn Cầu	607.856.860	607.856.860	989.766.330	989.766.330
Công ty TNHH sơn dẻo nhiệt Synthetic	176.730.200	176.730.200	1.522.642.851	1.522.642.851
Công ty xăng dầu Tiền Giang	158.275.300	158.275.300	169.301.000	169.301.000
Công ty Cổ phần Phú Thịnh Construction	137.977.400	137.977.400	1.195.304.000	1.195.304.000
Công ty cổ phần T.Đ.T	88.858.000	88.858.000	2.384.188.715	2.384.188.715
Công ty Cổ phần Thép Sao Việt Hưng Yên			2.684.691.660	2.684.691.660
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo cà			721.000.000	721.000.000
Công ty TNHH Thủy Tùng Châu	1.625.000	1.625.000	112.650.000	112.650.000
Phải trả cho các đối tượng khác	39.795.515.755	39.795.515.755	40.093.021.586	40.083.021.586
<i>Bên liên quan</i>	<i>63.543.932.170</i>	<i>63.543.932.170</i>	<i>55.613.530.966</i>	<i>55.613.530.966</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và XD ICV Việt Nam	2.810.385.746	2.810.385.746		
Công ty Cổ phần tập đoàn Đèo cà	38.713.035.394	38.713.035.394	32.423.041.004	32.423.041.004
Công ty cổ phần An Ninh Đèo cà	16.516.544.746	16.516.544.746	15.548.127.266	15.548.127.266
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Hoàng Long			1.796.396.412	1.796.396.412
Công ty cổ phần quản lý và khai thác đường cao tốc Đèo Cà	5.503.966.284	5.503.966.284	5.845.966.284	5.845.966.284
b) Dài hạn				
Cộng	172.562.116.245	172.562.116.245	230.529.989.839	230.519.989.839

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

a) Ngắn hạn:

Bên khác

Công ty cổ phần cao tốc Cam Lâm -Vĩnh Hào

Tổng công ty xây dựng Lũng Lô

Công ty Cổ phần XD công trình Ngầm

Công ty xăng dầu khu vực V

Đối tượng khác

Bên liên quan

Công ty Cổ phần tập đoàn Đèo cả

b) Dài hạn:

Cộng

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Số đầu năm</i>		<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã thực nộp trong kỳ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	
	<i>Phải thu</i>	<i>Phải trả</i>			<i>Phải thu</i>	<i>Phải trả</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp		37.227.634.839	17.126.147.882	36.138.362.996		18.215.419.725
Thuế thu nhập cá nhân		69.726.258	221.308.631	255.736.329		35.298.560
Thuế giá trị gia tăng		4.963.439.908	3.006.118.876	7.101.566.831		867.991.953
Thuế tài nguyên			882.213.813	882.213.813		
Thuế nhà đất, tiền thuê đất						
Thuế khác			886.315.524	886.315.524		
Cộng		42.260.801.005	22.122.104.726	45.264.195.493		19.118.710.238

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>30/06/2022</i>	<i>01/01/2022</i>
a) Ngắn hạn	13.311.325.500	48.101.149.844
Trích trước chi phí vận hành Hầm, thu phí		461.157.037
Trích trước lãi vay ngân hàng		173.450.166
Trích trước chi phí gói thầu xây dựng	13.311.325.500	47.466.542.641
b) Dài hạn		
Cộng	13.311.325.500	48.101.149.844

18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<i>30/06/2022</i>	<i>01/01/2022</i>
a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.100.000.000	
Doanh thu nhận trước	1.100.000.000	
b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	9.350.000.000	
Doanh thu nhận trước	9.350.000.000	
Cộng	10.450.000.000	

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>30/06/2022</i>	<i>01/01/2022</i>
a) Ngắn hạn:	66.190.735.381	54.080.267.206
Bên khác	25.180.185.331	20.489.208.012
Kinh phí công đoàn	1.375.048.122	1.173.133.467
Bảo hiểm xã hội, y tế, TN	132.045.199	
Quỹ ủng hộ	418.533.926	418.533.926
Tạm ứng (số dư có 141)	231.656.115	362.061.688
Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.022.901.969	18.535.478.931
<i>Công ty France Emulsion tiền lợi nhuận hợp tác kinh doanh</i>	<i>1.606.087.366</i>	<i>1.606.087.366</i>
<i>Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng Miền Bắc</i>	<i>15.034.788.812</i>	<i>11.385.035.388</i>
<i>Đối tượng khác</i>	<i>6.382.025.791</i>	<i>5.544.356.177</i>
Bên liên quan	41.010.550.050	33.591.059.194
<i>Công ty cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T</i>	<i>16.541.895.891</i>	<i>11.487.780.823</i>
<i>Công ty cổ phần tập đoàn Đèo Cả</i>	<i>24.468.654.159</i>	<i>22.103.278.371</i>
b) Dài hạn		
Cộng	66.190.735.381	54.080.267.206

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Năm trước

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư năm trước	2.673.840.900.000	(208.000.000)	4.851.321.687	61.330.724.488	2.739.814.946.175
Tăng vốn trong năm trước					
Lãi trong năm trước				229.716.169.311	229.716.169.311
Tăng do trích lập từ lợi nhuận					
Trích quỹ đầu tư phát triển					
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi					
Chia cổ tức					
Giảm khác					
Số dư cuối năm trước	2.673.840.900.000	(208.000.000)	4.851.321.687	291.046.893.799	2.969.531.115.486
Năm nay					
Số dư đầu kỳ này	2.673.840.900.000	(208.000.000)	4.851.321.687	291.046.893.799	2.969.531.115.486
Tăng vốn trong kỳ này					
Lãi trong kỳ này				83.674.069.449	83.674.069.449
Tăng do trích từ lợi nhuận			2.297.161.693	(2.297.161.693)	
Tăng khác					
Trả thù lao cho HĐQT				(953.000.000)	(953.000.000)
Chia cổ tức					
Giảm khác					
Số dư cuối kỳ này	2.673.840.900.000	(208.000.000)	7.148.483.380	371.470.801.555	3.052.252.184.935

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

19 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2022	%	01/01/2022	%
- Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả (*)	37.892.550.000	1,42%	37.892.550.000	1,42%
- Hồ Minh Hoàng	18.000.000.000	0,67%	18.000.000.000	0,67%
- Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	677.831.250.000	25,35%	677.831.250.000	25,35%
- Vốn góp của các đối tượng khác	1.940.117.100.000	72,56%	1.940.117.100.000	72,56%
Cộng	2.673.840.900.000	100,00%	2.673.840.900.000	100,00%

(*) Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả là Công ty mẹ của Công ty thông qua quyền sở hữu, quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp tại các Công ty con đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả với tỷ lệ quyền sở hữu và biểu quyết như sau:

(*) Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo cả	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Quyền sở hữu trực tiếp	1,42%	1,42%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	1,42%	1,42%
Quyền sở hữu và biểu quyết gián tiếp	21,22%	25,35%
- Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	21,22%	25,35%
Cộng	22,64%	26,77%

Hiện tại, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (DCG) đang nắm tỷ lệ quyền biểu quyết là 26,77%, tuy nhiên Tập đoàn vẫn là Công ty mẹ do đang nắm quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty thông qua việc nắm đa số thành viên trong Hội Đồng Quản trị.

19 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	2.673.840.900.000	2.673.840.900.000
- Vốn góp tăng trong năm		
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	2.673.840.900.000	2.673.840.900.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

19 . 4. Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	267.384.090	267.384.090
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	267.384.090	267.384.090
- Cổ phiếu phổ thông	267.384.090	267.384.090
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	267.384.090	267.384.090
- Cổ phiếu phổ thông	267.384.090	267.384.090
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

19 . 5. Các quỹ của công ty:

	30/06/2022	01/01/2022
Quỹ đầu tư phát triển	7.148.483.380	4.851.321.687
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢKm 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp
Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**01 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý 2 năm 2022	Quý 2 năm 2021	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30/06/2022	30/06/2021
a) Doanh thu				
Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	70.265.805.555	72.316.661.817	129.342.155.859	121.000.466.362
Doanh thu hoạt động xây lắp	121.688.674.502	86.045.827.274	167.036.153.710	94.545.630.910
Doanh thu cung cấp dịch vụ trung chuyển	4.212.236.111	1.663.645.455	7.348.570.707	5.816.050.000
Doanh thu vận hành các trạm thu phí	17.494.901.743	15.517.840.388	35.127.690.237	29.287.948.091
Doanh thu khác	933.152.096	361.806.363	2.050.475.343	1.007.437.663
Cộng	214.594.770.007	175.905.781.297	340.905.045.856	251.657.533.026
<i>Trong đó doanh thu đối với các bên liên quan</i>	<i>108.236.060.593</i>	<i>108.832.572.206</i>	<i>227.150.503.019</i>	<i>175.870.666.661</i>
<i>Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường</i>	<i>70.265.805.555</i>	<i>72.316.661.817</i>	<i>129.342.155.859</i>	<i>121.000.466.362</i>
<i>Doanh thu hoạt động xây lắp</i>	<i>20.328.054.951</i>	<i>20.713.769.092</i>	<i>62.304.267.668</i>	<i>24.977.317.274</i>
<i>Doanh thu vận hành các trạm thu phí</i>	<i>17.494.901.743</i>	<i>15.517.840.388</i>	<i>35.127.690.237</i>	<i>29.287.948.091</i>
<i>Doanh thu khác</i>	<i>147.298.344</i>	<i>284.300.909</i>	<i>376.389.255</i>	<i>604.934.934</i>

02 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý 2 năm 2022	Quý 2 năm 2021	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30/06/2022	30/06/2021
Giá vốn hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	38.653.489.825	37.998.950.342	68.946.491.013	75.846.457.179
Giá vốn hoạt động xây lắp	85.535.458.603	73.808.941.060	128.269.353.842	81.097.250.799
Giá vốn cung cấp dịch vụ trung chuyển	3.601.010.552	2.128.721.705	6.680.163.890	5.671.980.835
Giá vốn vận hành các trạm thu phí	11.588.365.967	11.283.315.528	22.771.406.962	23.766.187.883
Giá vốn khác	237.698.872	270.682.430	626.721.748	597.765.390
Cộng	139.616.023.819	125.490.611.065	227.294.137.455	186.979.642.086

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢKm 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp
Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

03 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 2 năm 2022	Quý 2 năm 2021	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30/06/2022	30/06/2021
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	164.041.132	378.146.470	196.093.467	805.847.575
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.726.050.404	7.726.050.404	15.284.143.190	15.284.143.190
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	7.726.050.404	7.726.050.404	15.284.143.190	15.284.143.190
Cộng	7.890.091.536	8.104.196.874	15.480.236.657	16.089.990.765

04 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 2 năm 2022	Quý 2 năm 2021	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30/06/2022	30/06/2021
Lãi tiền vay	6.683.459.777	6.468.195.549	13.386.290.581	13.282.784.175
Cộng	6.683.459.777	6.468.195.549	13.386.290.581	13.282.784.175

05 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**05 . 1. Chi phí bán hàng****05 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Quý 2 năm 2022	Quý 2 năm 2021	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30/06/2022	30/06/2021
Chi phí nguyên, vật liệu	-	9.978.126	-	19.956.252
Chi phí công cụ, dụng cụ	15.076.519	22.991.663	33.007.953	44.395.837
Chi phí nhân công	3.243.089.098	2.574.847.112	5.981.150.912	4.678.449.352
Chi phí khấu hao	140.231.532	371.264.409	211.079.266	745.178.860
Chi phí dịch vụ mua ngoài	685.490.871	636.175.317	1.100.114.989	1.429.723.920
Thuế, phí, lệ phí	-	-	3.000.000	3.000.000
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(161.854.500)	-	(161.854.500)
Các khoản chi phí khác	3.005.211.483	3.853.683.384	7.576.132.949	5.100.228.463
Cộng	7.089.099.503	7.307.085.511	14.904.486.069	11.859.078.184

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢKm 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp
Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

06 . THU NHẬP KHÁC

Kỳ 06 tháng kết thúc ngày

	Quý 2 năm 2022	Quý 2 năm 2021	30/06/2022	30/06/2021
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	15.598.480.524	-	19.454.589.810
Thanh lý xe lu, xe tải, xe san				3.856.109.286
Chuyển nhượng văn phòng, nhà xưởng, nhà để xe		15.598.480.524		15.598.480.524
Các khoản khác	358.882		358.882	
Cộng	358.882	15.598.480.524	358.882	19.454.589.810

07 . CHI PHÍ KHÁC

Kỳ 06 tháng kết thúc ngày

	Quý 2 năm 2022	Quý 2 năm 2021	30/06/2022	30/06/2021
Các khoản bị phạt				53.192.182
Các khoản khác	509.959		509.959	
Cộng	509.959		509.959	53.192.182

08 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Kỳ 06 tháng kết thúc ngày

	Quý 2 năm 2022	Quý 2 năm 2021	30/06/2022	30/06/2021
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	12.288.880.814	10.560.130.021	17.126.147.882	11.996.117.728
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này				
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.288.880.814	10.560.130.021	17.126.147.882	11.996.117.728

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp
Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày			
	Quý 2 năm 2022	Quý 2 năm 2021	30/06/2022	30/06/2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	80.739.014.858	46.224.565.433	148.072.526.048	76.409.148.019
Chi phí nhân công	64.625.825.839	43.972.252.223	109.949.457.199	94.234.938.465
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.331.754.976	1.631.222.349	3.626.842.191	3.380.246.839
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.331.302.736	10.504.972.652	19.755.591.875	20.415.519.306
Chi phí khác bằng tiền	32.421.004.518	27.536.797.544	52.293.364.067	47.104.182.907
Cộng	191.448.902.927	129.869.810.201	333.697.781.380	241.544.035.536

10 . THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30/06/2022	30/06/2021
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	1.043.000.000	384.000.000
Tiền lương	1.585.869.565	514.285.714

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

01 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có

02 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

03 . Số tiền đi vay thực thu trong năm:

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
30/06/2022	30/06/2021
205.241.661.596	352.457.158.095

04 . Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:

Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
30/06/2022	30/06/2021
162.818.641.918	412.655.876.503

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu khác nào phát sinh sau ngày 30/06/2022 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

03 . Thông tin về các bên liên quan: Xem Phụ lục 1

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

04 . Thông tin bộ phận

a. Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị sản phẩm và lĩnh vực kinh doanh do đó báo cáo bộ phận theo các sản phẩm sản xuất và cung cấp dịch vụ như sau:

6 tháng đầu năm 2021	Doanh thu khác	Dịch vụ trung chuyển	Kinh doanh bất động sản	Hoạt động duy tu bảo dưỡng, hầm	Vận hành các trạm thu phí	Hoạt động xây lắp	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.007.437.663	5.816.050.000		121.000.466.362	29.287.948.091	94.545.630.910	251.657.533.026
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.007.437.663	5.816.050.000		121.000.466.362	29.287.948.091	94.545.630.910	251.657.533.026
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	409.672.273	144.069.165		45.154.009.183	5.521.760.208	13.448.380.111	64.677.890.940
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							(11.859.078.184)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							52.818.812.756
Doanh thu hoạt động tài chính							16.089.990.765
Chi phí tài chính							(13.282.784.175)
Thu nhập khác							19.454.589.810
Chi phí khác							(53.192.182)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							(11.996.117.728)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							63.031.299.246
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác							(152.000.000)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn							(3.380.246.839)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

a. Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2022	Doanh thu khác	Dịch vụ trung chuyển	Kinh doanh bất động sản	Hoạt động duy tu bảo dưỡng, hầm	Vận hành các trạm thu phí	Hoạt động xây lắp	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.050.475.343	7.348.570.707		129.342.155.859	35.127.690.237	167.036.153.710	340.905.045.856
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.050.475.343	7.348.570.707		129.342.155.859	35.127.690.237	167.036.153.710	340.905.045.856
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.423.753.595	668.406.817		60.395.664.846	12.356.283.275	38.766.799.868	113.610.908.401
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							(14.904.486.069)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							98.706.422.332
Doanh thu hoạt động tài chính							15.480.236.657
Chi phí tài chính							(13.386.290.581)
Thu nhập khác							358.882
Chi phí khác							(509.959)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							(17.126.147.882)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							83.674.069.449
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác							(50.096.486.526)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn							(3.626.842.191)
- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh							
01/01/2022	Doanh thu khác	Dịch vụ trung chuyển	Bất động sản đầu tư	Vận hành, bảo dưỡng Hầm	Vận hành các trạm thu phí	Hoạt động xây lắp	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	185.299.348.082	13.111.179.415		220.107.118.112	52.077.037.344	388.262.005.101	858.856.688.054
Tài sản không phân bổ							2.954.806.308.374
Tổng tài sản	185.299.348.082	13.111.179.415		220.107.118.112	52.077.037.344	388.262.005.101	3.813.662.996.428
Nợ phải trả bộ phận	4.464.620.734			62.216.045.126		219.428.097.295	286.108.763.155
Nợ phải trả không phân bổ							558.023.117.787
Tổng nợ phải trả	4.464.620.734			62.216.045.126		219.428.097.295	844.131.880.942
30/06/2022	Doanh thu khác	Dịch vụ trung chuyển	Bất động sản đầu tư	Vận hành, bảo dưỡng Hầm	Vận hành các trạm thu phí	Hoạt động xây lắp	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	114.185.473.317	13.613.322.052		94.576.502.995	477.587.446	471.290.746.465	694.143.632.275
Tài sản không phân bổ							3.252.451.573.796
Tổng tài sản	114.185.473.317	13.613.322.052		94.576.502.995	477.587.446	471.290.746.465	3.946.595.206.071

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Nợ phải trả bộ phận	18.081.131.089	41.386.648.937	231.934.429.666	291.402.209.692
Nợ phải trả không phân bổ				602.940.811.444
Tổng nợ phải trả	18.081.131.089	41.386.648.937	231.934.429.666	894.343.021.136

b. Báo cáo thứ yếu theo Khu vực địa lý

6 tháng đầu năm 2021	Đà Nẵng	Huế	Phú yên, Khánh Hòa	Bắc Giang, Lạng Sơn	Tiền giang	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	53.489.904.843	35.940.350.002	72.506.963.637	26.027.013.636	63.693.300.908		251.657.533.026
Tài sản bộ phận							3.813.662.996.428
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác							(152.000.000)
6 tháng đầu năm 2022	Đà Nẵng	Huế	Phú yên, Khánh Hòa	Bắc Giang, Lạng Sơn	Tiền giang	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	52.618.118.744	20.598.914.176	187.965.974.455	30.081.951.583	49.640.086.898		340.905.045.856
Tài sản bộ phận							3.946.595.206.071
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác							(50.096.486.526)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

a) Tài sản tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	30/06/2022		01/01/2022		30/06/2022	01/01/2022
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	186.309.115.039		11.600.983.258		186.309.115.039	11.600.983.258
Phải thu khách hàng	402.541.083.054	(11.035.892.482)	631.018.108.129	(11.035.892.482)	391.505.190.572	619.982.215.647
Trả trước cho người bán	21.859.687.362	(1.301.620.413)	11.029.529.737	(1.301.620.413)	20.558.066.949	9.727.909.324
Các khoản phải thu khác	66.307.685.765	(873.033.836)	155.618.537.918	(873.033.836)	65.434.651.929	154.745.504.082
Đầu tư tài chính dài hạn	3.052.177.300.000		2.932.165.900.000		3.052.177.300.000	2.932.165.900.000
Cộng	3.729.194.871.220	(13.210.546.731)	3.741.433.059.042	(13.210.546.731)	3.715.984.324.489	3.728.222.512.311

b) Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	30/06/2022		01/01/2022		30/06/2022	01/01/2022
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Phải trả cho người bán	172.562.116.245		230.529.989.839		172.562.116.245	230.529.989.839
Người mua trả tiền trước	105.528.767.947		7.648.775.163		105.528.767.947	7.648.775.163
Vay và nợ	493.991.628.996		451.568.609.318		493.991.628.996	451.568.609.318
Phải trả người lao động	11.445.440.110		8.197.991.848		11.445.440.110	8.197.991.848
Các khoản phải trả khác	66.190.735.381		54.080.267.206		66.190.735.381	54.080.267.206
Cộng	849.718.688.679		752.025.633.374		849.718.688.679	752.025.633.374

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

06 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a. Rủi ro tín dụng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	172.562.116.245			172.562.116.245
Người mua trả tiền trước	105.528.767.947			105.528.767.947
Vay và nợ	275.163.978.996	218.827.650.000		493.991.628.996
Chi phí phải trả	13.311.325.500			13.311.325.500
Các khoản phải trả phải nộp khác	97.854.885.729	3.850.000.000	5.500.000.000	107.204.885.729
Cộng	664.421.074.417	222.677.650.000	5.500.000.000	892.598.724.417

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

c. . Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

07. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

08. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo riêng cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2021 kết thúc vào ngày 30/6/2021 phát hành lại tại ngày 10/11/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Phía Nam AASCS

Người lập biểu

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN ÂN

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 07 năm 2022

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



NGUYỄN QUANG HUY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

01 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt		6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		1.043.000.000	384.000.000
Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch HĐQT	180.000.000	60.000.000
Nguyễn Tấn Đông	Phó CT HĐQT	120.000.000	48.000.000
Trần Văn Thế	Phó CT HĐQT	76.000.000	48.000.000
Nguyễn Hữu Hùng	Phó CT HĐQT	43.000.000	
Võ Thụy Linh	Thành viên HĐQT	90.000.000	30.000.000
Trần Chung	Thành viên HĐQT	90.000.000	30.000.000
Nguyễn Quang Huy	Thành viên HĐQT	90.000.000	
Nguyễn Thanh Trang	Thành viên HĐQT đến ngày 01/11/2021		30.000.000
Hà Huy Hùng	Thành viên độc lập HĐQT	57.000.000	
Hồ Quang Lợi	Thành viên độc lập HĐQT	33.000.000	
Hoàng Văn Hải	Thành viên độc lập HĐQT	90.000.000	30.000.000
Nguyễn Minh Giang	Trưởng ban kiểm soát	90.000.000	48.000.000
Cam Thị Minh Hải	Thành viên BKS	42.000.000	30.000.000
Đỗ Thế Vinh	Thành viên BKS đến ngày 26/4/2021		20.000.000
Phan Thị Mai	Thành viên BKS	42.000.000	10.000.000
Tiền lương		1.585.869.565	514.285.714
Nguyễn Quang Huy	Tổng giám đốc	420.000.000	60.000.000
Trần Văn Chí	Phó Tổng giám đốc thường trực	255.869.565	
Võ Ngọc Trung	Phó Tổng giám đốc	200.000.000	190.000.000
Lê Châu Thắng	Phó Tổng giám đốc	165.000.000	
Trần Văn Dũng	Phó Tổng giám đốc	175.000.000	84.285.714
Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng giám đốc	175.000.000	
Nguyễn Văn Ân	Kế toán trưởng	195.000.000	180.000.000

02 Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ
- Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Công ty con
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	Công ty liên kết

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

02 Giao dịch với các bên liên quan khác: (tiếp theo)

Bên liên quan

- Hồ Minh Hoàng
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải thạch B.O.T
- Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z
- Công ty Cổ phần Đầu tư VINALOG
- Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long
- Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận
- Công ty cổ phần quản lý và khai thác đường cao tốc Đèo Cả
- Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả
- Công ty TNHH Đèo Cả Capital (*)

(*) Công ty TNHH Đèo Cả Capital được đổi tên từ Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Đèo Cả theo Giấy phép đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 6 năm 2022

Tóm tắt hoạt động của các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm:

- Công ty con

Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận chưa phân phối
- Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	68,34%	68,34%	16.393.313.963	19.464.654.015
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	71,02%	71,02%	45.306.751.158	(337.642.285.707)
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,47%	99,47%	14.034.114.085	24.386.701.708
- Công ty liên kết				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	21,95%	21,95%	(5.616.037.953)	7.793.179.331
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,10%	50,00%	41.685.284.817	216.369.082.685
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	31,60%	31,60%	2.160.407.351	7.175.787.480

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021		
- Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Công ty con	<i>Bán hàng hóa, dịch vụ</i>				
		Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	14.159.399.865	13.031.247.272		
		Doanh thu vận hành các trạm thu phí	15.922.551.718	12.995.766.364		
		Cộng	30.081.951.583	26.027.013.636		
		<i>Giao dịch khác</i>				
		Góp vốn	120.011.400.000			
		Đặt cọc góp vốn	21.200.000.000	59.000.000.000		
		Cộng	141.211.400.000	59.000.000.000		
		- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	<i>Bán hàng hóa, dịch vụ</i>		
				Doanh thu hoạt động xây lắp		4.247.769.091
Doanh thu vận hành trạm thu phí	11.846.472.726			9.692.041.819		
Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	96.729.222.661			96.738.526.362		
Cộng	108.575.695.387			110.678.337.272		
<i>Giao dịch khác</i>						
Đặt cọc góp vốn	3.000.000.000			64.500.000.000		
Trả lại tiền đặt cọc góp vốn				58.500.000.000		
Cộng	3.000.000.000	64.500.000.000				
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con	<i>Bán hàng hóa, dịch vụ</i>				
		Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	10.090.385.185	9.335.789.091		
		Doanh thu hoạt động xây lắp	2.714.947.222	19.243.624.547		
		Doanh thu vận hành trạm thu phí	3.422.960.472	3.375.617.181		
		Cộng	16.228.292.879	31.955.030.819		
		<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>				
		Tạm ứng cổ tức	15.284.143.190	15.284.143.190		
		Cộng	15.284.143.190	15.284.143.190		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết	<i>Bán hàng hóa, dịch vụ</i>				
		Doanh thu nước uống đóng chai		1.196.364		
		Doanh thu thép		28.110.390		
		Cộng		29.306.754		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết	<i>Mua hàng hóa, dịch vụ</i> Chi phí mua vật tư Chi phí thuê thiết bị, thuê xe Cộng	2.602.209.024 2.602.209.024	 522.727.274
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết	<i>Bán hàng hóa, dịch vụ</i> Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường Doanh thu vận hành trạm thu phí Doanh thu trung tu Cộng	 2.646.183.333 3.935.705.321 3.151.039.874 9.732.928.528	 1.894.903.637 3.224.522.727 5.119.426.364
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	Công ty liên kết	<i>Giao dịch khác</i> Góp vốn Cộng	 10.000.000.000	 10.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư VINALOG	Người có liên quan của Thành viên HĐQT, TGD Nguyễn Quang Huy	<i>Giao dịch khác</i> Chuyển nhượng tài sản Cộng	 28.181.818.182	 28.181.818.182
- Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	<i>Bán hàng hóa, dịch vụ</i> Doanh thu hoạt động xây lắp Doanh thu nước uống đóng chai Cộng <i>Mua hàng hóa, dịch vụ</i> Chi phí vé máy bay Chi phí cung cấp công nghệ thông tin Chi phí mua vật tư Chi phí đào tạo thực sĩ Chi phí thi công công trình Chi phí cho thuê thiết bị, phương tiện Cộng	 28.252.543.380 2.900.908 28.252.543.380 389.258.180 533.295.000 11.480.583.424 625.676.852 13.028.813.456	 1.485.923.636 2.900.908 1.488.824.544 159.108.230 533.295.000 10.823.739.455 180.000.000 11.696.142.685

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
- Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	<i>Chi phí tài chính</i>		
		Chi phí lãi vay	1.660.027.131	6.007.950.270
		Cộng	1.660.027.131	6.007.950.270
		<i>Giao dịch khác</i>		
		Trả tiền vay	7.100.000.000	
		Nhận tiền vay	12.500.000.000	66.100.000.000
	Cộng	19.600.000.000	66.100.000.000	
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải thạch B.O.T	Cổ đông lớn	<i>Chi phí tài chính</i>		
		Chi phí lãi vay	5.054.115.068	403.046.576
		Cộng	5.054.115.068	403.046.576
		<i>Giao dịch khác</i>		
		Nhận tiền vay		125.400.000.000
		Cộng		125.400.000.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z	Người có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai đến ngày 19/4/2022	<i>Bán hàng hóa, dịch vụ</i>		
		Doanh thu cho thuê xe	95.454.546	190.909.092
		Cộng	95.454.546	190.909.092
		<i>Chi phí tài chính</i>		
		Chi phí lãi vay		19.397.260
		Cộng		19.397.260
		<i>Giao dịch khác</i>		
		Trả tiền vay		2.000.000.000
		Thanh toán tiền lãi vay		140.630.137
		Cộng		2.140.630.137
- Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả	Người có liên quan của Trưởng BKS Nguyễn Minh Giang	<i>Mua hàng hóa, dịch vụ</i>		
		Chi phí dịch vụ bảo vệ	13.888.084.000	12.806.852.652
		Cộng	13.888.084.000	12.806.852.652
		<i>Giao dịch khác</i>		
		Thanh toán tiền dịch vụ bảo vệ	14.077.901.720	15.614.162.252
Cộng	14.077.901.720	15.614.162.252		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	Người có liên quan của Thành viên HĐQT, TGD Nguyễn Quang Huy đến ngày 24/03/2022	<i>Bán hàng hóa, dịch vụ</i>		
		Doanh thu thuê xe	106.363.638	218.181.816
		Cộng	106.363.638	218.181.816
		<i>Mua hàng hóa, dịch vụ</i>		
		Chi phí thí nghiệm công trình, tư vấn		1.313.229.176
		Cộng		1.313.229.176
- Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, PCT. HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Trưởng BKS Nguyễn Minh Giang	<i>Bán hàng hóa, dịch vụ</i>		
		Doanh thu thuê xe	109.090.908	163.636.364
		Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm. đường	5.716.964.815	
		Cộng	5.826.055.723	163.636.364
		<i>Giao dịch khác</i>		
		Thu tiền thuê xe		270.000.000
		Cộng		270.000.000
- Công ty cổ phần quản lý và khai thác đường cao tốc Đèo Cả	Người có liên quan của PTGD Lê Châu Thắng	<i>Bán hàng hóa, dịch vụ</i>		
		Doanh thu khác	65.480.163	
		Cộng	65.480.163	
		<i>Mua hàng hóa, dịch vụ</i>		
		Chi phí duy tu cao tốc		2.887.059.090
		Cộng		2.887.059.090
		<i>Giao dịch khác</i>		
		Thu tiền thuê xe	342.000.000	
		Cộng	342.000.000	
- Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Người có liên quan của PCT HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, thành viên BKS Cam Thị Minh Hải	<i>Bán hàng hóa, dịch vụ</i>		
		Doanh thu hoạt động xây lắp	28.185.737.192	
		Cộng	28.185.737.192	
		<i>Mua hàng hóa, dịch vụ</i>		
		Thuê thiết bị, phương tiện	1.744.220.679	
		Chi phí vật tư, nhân công	18.432.137.228	
		Cộng	20.176.357.907	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
- Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Người có liên quan của Trưởng BKS Nguyễn Minh Giang đến ngày 30/9/2021	Chi phí tài chính Chi phí lãi vay Cộng		3.649.753.425 3.649.753.425

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản số dư công nợ với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2022	01/01/2022
PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN				
- Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Công ty con	Phải thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường Phải thu vận hành trạm thu phí Cộng	14.630.827.058 7.845.846.000 22.476.673.058	22.607.397.457 4.074.030.800 26.681.428.257
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Phải thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường Phải thu vận hành trạm thu phí Phải thu thi công hoạt động xây lắp Phải thu dịch vụ khác Cộng	75.521.247.250 14.009.537.005 91.361.215.322 965.078.270 181.857.077.847	63.860.155.250 5.463.215.005 91.361.215.322 965.078.270 161.649.663.847
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con	Phải thu tiền vận hành trạm thu phí Phải thu tiền thi công công trình xây lắp Phải thu vận hành bảo dưỡng hầm, đường Cộng	962.963.520 18.546.095.320 20.713.957.700 40.223.016.540	1.006.945.800 31.167.934.320 19.832.381.700 52.007.261.820
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết	Phải thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường Phải thu vận hành các trạm thu phí Phải thu thi công trung tu Cộng	671.706.000 3.342.545.600 6.959.728.998 10.973.980.598	775.564.000 2.346.951.400 4.895.625.934 8.018.141.334
- Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Phải thu ngắn hạn khách hàng Cộng		140.481.698.327 140.481.698.327
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z	Người có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai đến ngày 19/4/2022	Phải thu cho thuê xe Phải thu cung cấp dịch vụ Cộng		420.000.000 6.236.906.673 6.656.906.673
- Công ty cổ phần quản lý và khai thác đường cao tốc Đèo Cả	Người có liên quan của PTGD Lê Châu Thắng	Phải thu ngắn hạn khách hàng Cộng	72.028.179 72.028.179	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản số dư công nợ với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2022	01/01/2022
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	Người có liên quan của Thành viên HĐQT, TGĐ Nguyễn Quang Huy đến ngày 24/03/2022	Phải thu thuê xe Phải thu cho thuê bất động sản		594.000.000 228.000.000
		Cộng		822.000.000
- Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, PCT. HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Trưởng BKS Nguyễn Minh Giang	Phải thu thuê xe Phải thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường	388.363.635 6.174.322.000	270.000.000
		Cộng	6.562.685.635	270.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Người có liên quan của PCT HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, thành viên BKS Cam Thị Minh Hải	Phải thu ngắn hạn khách hàng	107.321.849.172	
		Cộng	107.321.849.172	
TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN				
- Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Người có liên quan của PCT HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, thành viên BKS Cam Thị Minh Hải	Trả trước cho người bán	5.544.110.848	
		Cộng	5.544.110.848	
PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC				
- Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Công ty con	Đặt cọc góp vốn	38.988.600.000	137.800.000.000
		Cộng	38.988.600.000	137.800.000.000
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Tiền bảo hành các công trình xây lắp Đặt cọc góp vốn	14.881.361.082 3.000.000.000	14.881.361.082
		Cộng	17.881.361.082	14.881.361.082
- Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Đặt cọc tiền vé máy bay Phải thu khác	100.000.000 705.348.657	100.000.000
		Cộng	805.348.657	100.000.000
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con	Phải thu khác	14.880.660	
		Cộng	14.880.660	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản số dư công nợ với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2022	01/01/2022
- Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Người có liên quan của PCT HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, thành viên BKS Cam Thị Minh Hải	Phải thu khác	21.520.587	
		Cộng	21.520.587	
PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết	Phải trả mua vật tư	2.810.385.746	
		Cộng	2.810.385.746	
- Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Phải trả tiền vé máy bay	1.917.417.178	1.496.249.851
		Phải trả tiền cung cấp công nghệ thông tin	3.332.810.250	2.746.185.750
		Phải trả mua công cụ dụng cụ, tài sản	558.936.253	558.936.253
		Phải trả mua vật tư	24.552.318.862	19.270.116.299
		Phải trả mua đồng phục	1.304.174.025	1.304.174.025
		Phải trả chi phí đào tạo thực sĩ	580.000.000	580.000.000
		Phải trả khác	6.467.378.826	6.467.378.826
		Cộng	38.713.035.394	32.423.041.004
- Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả	Người có liên quan của Trưởng BKS Nguyễn Minh Giang	Phải trả cung cấp dịch vụ	16.516.544.746	15.548.127.266
		Cộng	16.516.544.746	15.548.127.266
- Công ty cổ phần quản lý và khai thác đường cao tốc Đèo Cả	Người có liên quan của PTGD Lê Châu Thắng	Phải trả cung cấp dịch vụ	5.503.966.284	5.845.966.284
		Cộng	5.503.966.284	5.845.966.284
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	Người có liên quan của Thành viên HĐQT, TGĐ Nguyễn Quang Huy đến ngày 24/03/2022	Phải trả cung cấp dịch vụ		1.796.396.412
		Cộng		1.796.396.412
NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN				
- Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Ứng trước thi công hoạt động xây lắp	16.502.457.213	
		Cộng	16.502.457.213	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản số dư công nợ với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>30/06/2022</i>	<i>01/01/2022</i>
PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC				
- Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Tiền lãi vay Phải trả khác	24.468.654.159	22.808.627.028 (705.348.657)
		Cộng	24.468.654.159	22.103.278.371
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải thạch B.O.T	Cổ đông lớn	Tiền lãi vay	16.541.895.891	11.487.780.823
		Cộng	16.541.895.891	11.487.780.823
VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN				
- Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Vay ngắn hạn	42.131.895.603	36.731.895.603
		Cộng	42.131.895.603	36.731.895.603
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải thạch B.O.T	Cổ đông lớn	Vay ngắn hạn	2.000.000.000	2.000.000.000
		Cộng	2.000.000.000	2.000.000.000
PHẢI THU KHÁCH HÀNG DÀI HẠN				
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Phải thu thi công hoạt động xây lắp	3.094.427.531	3.094.427.531
		Cộng	3.094.427.531	3.094.427.531
VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN				
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải thạch B.O.T	Cổ đông lớn	Vay dài hạn	125.400.000.000	125.400.000.000
		Cộng	125.400.000.000	125.400.000.000

Ghi chú: Các giao dịch với bên liên quan đã thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và quy định pháp lý có liên quan